

ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẶC ĐIỂM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CẤU TRÚC SỞ HỮU ĐẾN SỰ LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN

● NGUYỄN THỊ MAI ANH¹ - PHẠM THANH DUNG¹
- LÊ HUỖNH NHƯ¹ - NGUYỄN THỊ LAN ANH¹ - VÕ HUYỀN AN¹
- HÀNG UYỂN NGÂN¹ - NGUYỄN TRUNG NGUYÊN¹

¹Trường Đại học Ngoại thương Cơ sở II - TP. Hồ Chí Minh

TÓM TẮT:

Nghiên cứu này tìm hiểu về tác động của các đặc điểm về Hội đồng quản trị (HĐQT) và Cấu trúc sở hữu (CTSH) đến quyết định lựa chọn công ty kiểm toán thuộc nhóm Big4. Chúng tôi đã sử dụng một mẫu lớn gồm 6354 quan sát từ năm 2009 đến năm 2022 và áp dụng phương pháp Hồi quy Binary Logistic để khám phá mối quan hệ giữa các đặc điểm về HĐQT và CTSH với quyết định lựa chọn công ty kiểm toán. Kết quả cho thấy, mức độ độc lập của HĐQT, tỷ lệ sở hữu tổ chức trong nước và tỷ lệ sở hữu nước ngoài đều có mối liên hệ tích cực với việc lựa chọn công ty kiểm toán thuộc Big4. Ngược lại, chúng tôi cũng phát hiện tỷ lệ sở hữu của các thành viên Ban Giám đốc (BGD) có mối tương quan nghịch với sự lựa chọn công ty kiểm toán thuộc Big4. Kết quả của nghiên cứu này mang ý nghĩa quan trọng đối với các nhà quản lý, nhà hoạch định chính sách và kiểm toán viên để hiểu rõ hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn công ty kiểm toán của doanh nghiệp (DN).

Từ khóa: Big4, sự lựa chọn công ty kiểm toán, đặc điểm hội đồng quản trị, cấu trúc sở hữu.

1. Đặt vấn đề

Báo cáo tài chính (BCTC) đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các bên liên quan đánh giá và đưa ra các quyết định kinh tế phù hợp. Tuy nhiên, BCTC có thể bị thao túng bởi ban lãnh đạo do xung đột lợi ích giữa chủ sở hữu và người điều hành công ty. Việc thao túng BCTC dẫn đến thông tin kém chất lượng, ảnh hưởng đến quyết định của người sử dụng thông tin. Để giải quyết vấn đề này, kiểm toán độc lập được kỳ vọng sẽ giúp DN tìm ra giải pháp bằng cách kiểm tra, đánh giá, đưa ra ý kiến về các vấn đề liên quan đến BCTC của DN, phát hiện sai sót và gian lận trên BCTC.

Bên cạnh đó, theo Jensen và Meckling (1976), lý thuyết đại diện là sự giải thích cho vấn đề xung đột lợi ích giữa cổ đông và nhà quản lý. Lý do vì người được đại diện có quyền trực tiếp trong việc giám sát các hoạt động kinh doanh hàng ngày, do đó họ có thể đưa ra các quyết định hay hành động nhằm tối đa hóa lợi ích của bản thân thay vì mang lại lợi ích cho cổ đông và công ty. Ngoài ra, mối quan hệ giữa tình trạng thông tin bất cân xứng và hành vi quản trị lợi nhuận đã được nhiều nghiên cứu khẳng định như Dye (1988), sau đó cũng được đề cập trong nghiên cứu của Richardson (2000), cho rằng sự tồn tại tình trạng thông tin bất cân xứng

giữa nhà quản lý và cổ đông là điều kiện cho hành vi quản trị lợi nhuận của nhà quản lý bóp méo thông tin trên BCTC. Nhận thức về tầm quan trọng của vấn đề này, nhiều nghiên cứu đã tìm hiểu về các yếu tố dẫn đến quyết định lựa chọn công ty kiểm toán, một trong số đó là tác động của đặc điểm HĐQT và CTSH.

Hiện tại, có khá ít nghiên cứu đã được thực hiện về ảnh hưởng của HĐQT và CTSH đến lựa chọn công ty kiểm toán ở Việt Nam; hầu hết các nghiên cứu hiện nay tập trung vào các yếu tố khác như quy mô công ty, ngành nghề kinh doanh,... Trong khi đó, trên thế giới, các nghiên cứu đã tập trung vào vai trò của HĐQT và CTSH trong quá trình lựa chọn công ty kiểm toán. Với mục đích tìm hiểu tầm quan trọng của kiểm toán, ảnh hưởng của HĐQT và CTSH đến lựa chọn kiểm toán, nhóm tác giả đã quyết định thực hiện đề tài nghiên cứu này.

2. Cơ sở lý thuyết và xây dựng giả thuyết

Dựa theo Luật Kiểm toán độc lập năm 2011, một công ty kiểm toán được xác định là một DN có đủ điều kiện để cung cấp dịch vụ kiểm toán, tuân theo quy định của luật này cùng với các quy định khác liên quan đến pháp luật. Có nhiều cách định nghĩa kiểm toán nhưng nhìn chung kiểm toán là “quá trình thu thập và đánh giá các bằng chứng về những thông tin được kiểm toán của một đơn vị cụ thể, nhằm xác định và báo cáo về mức độ phù hợp giữa những thông tin đó với các chuẩn mực đã được thiết lập” (Kumar và Sharma, 2015). Ngoài ra, Liên đoàn kế toán quốc tế (IFAC) đã nêu, “mục tiêu của kiểm toán là cung cấp cho các Nhà đầu tư (NĐT) và các bên liên quan khác sự đảm bảo hợp lý về việc liệu toàn bộ BCTC có được lập, trình bày theo các hướng dẫn và không có sai sót trọng yếu hay không.”

2.1. Ảnh hưởng của Cấu trúc sở hữu đến lựa chọn công ty kiểm toán

Theo nghiên cứu của Jensen và Meckling (1976), khái niệm CTSH được dùng để chỉ sự phân bổ nguồn vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần giữa các thành viên bên trong và bên ngoài DN. Hay nói cách khác, theo Manna và cộng sự (2016), CTSH là tỷ lệ cổ phần được nắm giữ bởi các chủ sở hữu của DN, bao gồm nhà quản lý và các NĐT khác. Tương tự, Dinga và cộng sự (2009) trước đó đã định nghĩa CTSH là sự chia quyền sở

hữu và quyền kiểm soát vốn trong một công ty giữa các chủ sở hữu khác nhau.

Nghiên cứu của Gerged và Elmghaamez (2020) đã chỉ ra khi các DN có tỷ lệ sở hữu tổ chức càng cao, họ sẽ lựa chọn các công ty kiểm toán lớn là Big4 để cung cấp dịch vụ kiểm toán chất lượng. Tương tự, nghiên cứu của El-Dyasty và Elamer (2021) cũng đưa ra kết quả rằng DN có tỷ lệ sở hữu tổ chức cao thường lựa chọn công ty kiểm toán thuộc Big4. Lý giải cho kết quả này do các DN có tỷ lệ sở hữu tổ chức cao thường có nhu cầu cao về tính độc lập và chất lượng của kiểm toán viên nhằm mang lại sự tin tưởng và đảm bảo chất lượng thông tin BCTC cho các cổ đông và NĐT. Vì vậy, việc chọn các công ty kiểm toán là Big4 sẽ giúp giảm thiểu các trường hợp gian lận thông tin, làm tăng lợi ích cho các NĐT tổ chức. Theo đó, giả thuyết sau đây được xây dựng nên như sau:

H1: *Tỷ lệ sở hữu tổ chức trong nước càng cao thì khả năng lựa chọn công ty kiểm toán thuộc Big4 của DN càng cao.*

Bên cạnh các tổ chức DN trong nước, các NĐT nước ngoài cũng ưa chuộng lựa chọn kiểm toán viên chất lượng cao (Big4) nhằm đảm bảo được chất lượng BCTC để đưa ra các quyết định tài chính sáng suốt và đầy đủ. Theo Guedhami và Saffar (2009), khi tỷ lệ sở hữu của tổ chức nước ngoài càng cao thì DN sẽ ưu tiên chọn công ty kiểm toán là Big4. Ngoài ra, nghiên cứu của Waresul Karim và cộng sự (2013) cũng cho rằng, các cổ đông nước ngoài có xu hướng đánh đổi chi phí giám sát ngày càng tăng so với chi phí đại diện khi thuê công ty kiểm toán là Big4, lý do là vì tình trạng bất cân xứng thông tin xảy ra khi NĐT nước ngoài sẽ không thể nắm rõ về thị trường, đặc điểm kinh tế cũng như văn hóa tổ chức ở công ty so với các NĐT trong nước.

Theo Zureigat (2011), do các công ty có quyền sở hữu nước ngoài thường có hoạt động toàn cầu nên họ sẽ ưu tiên chọn các kiểm toán viên có kinh nghiệm giải quyết các yêu cầu BCTC quốc tế phức tạp. Bên cạnh đó, việc thuê một công ty kiểm toán Big4 có thể nâng cao niềm tin của NĐT vào BCTC của công ty do NĐT nước ngoài có thể quen thuộc và tin tưởng hơn với ý kiến kiểm toán được đưa ra bởi các công ty kiểm toán thuộc Big4. Dựa vào các nghiên cứu trên, nhóm tác giả đưa ra giả thuyết sau:

H2: Tỷ lệ sở hữu tổ chức nước ngoài càng cao thì khả năng lựa chọn công ty kiểm toán thuộc Big4 của DN càng cao.

Tỷ lệ sở hữu của BGD trong một công ty có ảnh hưởng không nhỏ đến nhiều vấn đề quan trọng, bao gồm hoạt động công ty và mâu thuẫn về người đại diện. Có nhiều nghiên cứu đã tìm hiểu về mối quan hệ giữa tỷ lệ sở hữu của BGD và các yếu tố này. Chow (1982) đã nhận thấy rằng các DN mà BGD sở hữu một tỷ lệ cao thường không sử dụng dịch vụ kiểm toán có chất lượng cao. Lý do cho việc này là BGD đã nắm giữ vai trò quan trọng trong công ty, từ đó giảm nhu cầu sử dụng dịch vụ giám sát đảm bảo từ bên ngoài. Theo Leung và Liu (2015), khi tỷ lệ sở hữu của BGD càng cao, tức là họ có quyền lực và ảnh hưởng cao đối với công ty, họ có xu hướng lựa chọn các công ty kiểm toán không thuộc Big4 do BGD có lợi ích cá nhân và kiểm soát công ty khi tỷ lệ sở hữu của họ cao nên họ muốn chọn các công ty kiểm toán không phải Big4 để giúp họ duy trì sự kiểm soát và quyền lực của mình. Từ những nghiên cứu trên, nhóm tác giả đưa ra giả thuyết sau:

H3: Tỷ lệ sở hữu thành viên BGD càng cao thì khả năng lựa chọn công ty kiểm toán thuộc Big4 của DN càng thấp.

2.2. Ảnh hưởng của đặc điểm HĐQT đến lựa chọn công ty kiểm toán

Theo khoản 1 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020, HĐQT được hiểu là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Ngoài ra, nghiên cứu của Lucian Bebchuk (2004) cũng đã cung cấp một định nghĩa về HĐQT như sau: "HQt là một cơ quan tập thể được giao nhiệm vụ giám sát việc quản lý công ty, bao gồm giám sát hiệu quả của BGD và đảm bảo rằng các lợi ích của cổ đông được bảo vệ."

Carcello và cộng sự (2002) lập luận, thành viên HĐQT độc lập có thể yêu cầu chất lượng kiểm toán cao hơn để bảo vệ độ uy tín của mình, tránh trách nhiệm pháp lý và thúc đẩy lợi ích của cổ đông. Fama và Jensen (1983) cũng cho rằng, thành viên HĐQT độc lập với tư cách là đại diện của các cổ đông, có động cơ đặc biệt mạnh mẽ để

ngăn chặn và phát hiện những hành vi không đúng đắn của BGD. Việc tách quyền sở hữu và kiểm soát làm tăng xung đột đại diện trong công ty (Jensen và Meckling, 1976) và do đó làm tăng nhu cầu giám sát quản lý (Fama, 1980; Fama và Jensen, 1983; Ang và cộng sự, 2000). Từ đó, nhóm tác giả đưa ra giả thuyết về mối quan hệ giữa tính độc lập của HĐQT và lựa chọn công ty kiểm toán thuộc Big4 như sau:

H4: Tỷ lệ thành viên HĐQT độc lập càng cao thì khả năng lựa chọn công ty kiểm toán thuộc Big4 của DN càng cao.

Trong bối cảnh của Ý, quốc gia có mức độ tập trung sở hữu cao, HĐQT lớn có thể là dấu hiệu cho thấy sự đóng góp nhiều hơn vào việc quản trị doanh nghiệp tốt hơn (Di Pietra và cộng sự 2008). Anderson và cộng sự (2004) cũng cho rằng, HĐQT lớn là cơ quan giám sát hiệu quả hơn quá trình kế toán tài chính và có xu hướng cải thiện tính minh bạch và độ tin cậy tài chính tổng thể. HĐQT có quy mô lớn sẽ khó bị thao túng bởi một nhóm lợi ích nào đó, vì việc ra quyết định cần có sự đồng thuận của đa số các thành viên, nên sẽ giúp đảm bảo tính khách quan và công bằng. Vì vậy, khi quy mô HĐQT càng lớn, công ty sẽ càng có khả năng cao trong việc lựa chọn kiểm toán viên tại Big4 để giảm thiểu các vấn đề về tổ chức, từ đó giúp cải thiện sự nhận thức về chất lượng kiểm toán BCTC và nâng cao tính thống nhất giữa các thành viên khi đưa ra quyết định. Từ đó, nhóm tác giả đưa ra giả thuyết về mối quan hệ giữa số lượng thành viên HĐQT và lựa chọn công ty kiểm toán thuộc Big4 như sau:

H5: Số lượng thành viên HĐQT càng nhiều thì khả năng lựa chọn công ty kiểm toán thuộc Big4 của DN càng cao.

Wan Abdullah và cộng sự (2008) cho rằng, thông thường tại Malaysia, HĐQT có tính chất kiêm nhiệm của CEO được coi là không hiệu quả vì xung đột lợi ích có thể phát sinh. Việc đảm nhiệm đồng thời hai vị trí quyền lực là Chủ tịch HĐQT và CEO sẽ gây ra sự thiếu kiểm tra nội bộ trong quá trình đưa ra quyết định cho công ty, từ đó xảy ra tình trạng lạm quyền của người kiêm nhiệm. Ianniello và cộng sự (2013) cho thấy sự tập trung quyền lực này có xu hướng cản trở việc lựa chọn công ty kiểm toán có uy tín. Ngoài ra, nghiên cứu của Alfraih

(2017) cũng đưa ra kết luận về mối liên hệ tiêu cực của việc tập trung quyền lực này. Do đó, nhóm tác giả đưa ra giả thuyết sau:

H6: *Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm CEO thì khả năng chọn công ty kiểm toán thuộc Big4 của DN thấp.*

3. Phương pháp nghiên cứu

Dựa trên một số nghiên cứu tương tự liên quan đến việc lựa chọn công ty kiểm toán như Abdullah và cộng sự (2008), Ianniello và cộng sự (2013), El-Dyasty và Elamer (2021), nhóm tác giả đề xuất mô hình sử dụng phương pháp hồi quy Binary Logistic như sau:

$$\text{Big4} = \beta_0 + \beta_1 \text{BoardSize} + \beta_2 \text{Duality} + \beta_3 \text{BoardInd} + \beta_4 \text{FI_Owner} + \beta_5 \text{DI_Owner} + \beta_6 \text{M_Owner} + \beta_7 \text{Control}$$

Trong đó: β : hệ số của các biến; Big4 bằng 1 khi công ty được kiểm toán bởi 1 trong các công ty kiểm toán Big4 (KPMG, EY, PwC, Deloitte), bằng 0 nếu ngược lại; BoardSize: số lượng thành viên trong HĐQT; Duality: bằng 1 nếu CEO kiêm nhiệm với chủ tịch HĐQT, bằng 0 nếu không kiêm nhiệm; BoardInd: tỷ lệ giữa số thành viên không điều hành với tổng số thành viên HĐQT; FI_Owner: tỷ lệ cổ phần nắm giữ của NĐT nước ngoài; DI_Owner: tỷ lệ cổ phần nắm giữ của NĐT trong nước; M_Owner: tỷ lệ giữa số cổ phần BGD nắm giữ và tổng số cổ phần hiện hành.

Toàn bộ dữ liệu của các DN niêm yết từ năm 2009 đến 2022 được thu thập qua FiinPro, các chỉ số tài chính cần thiết được tính trên Microsoft Excel và dùng Stata 17 để loại bỏ các dữ liệu không phù hợp. Sau khi hoàn thành xử lý số liệu, bộ dữ liệu cuối cùng gồm 6.354 quan sát. Nhóm tác giả sử dụng mô hình hồi quy Logistic nhị phân kết hợp với mô hình sai số chuẩn mạnh nhằm khắc phục hiện tượng tương quan thay đổi làm các hệ số ước lượng bị chệch trong mô hình.

4. Kết quả và thảo luận

Theo kết quả hồi quy Binary Logistic kết hợp với mô hình sai số chuẩn mạnh và tác động biên có cố định hiệu ứng ngành và năm, biến DI_Owner có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 1%, hệ số hồi quy dương và hệ số tác động biên bằng 0,239 cho thấy khi tỷ lệ sở hữu tổ chức trong nước năm 1%, khả năng DN chọn công ty kiểm toán thuộc Big4 tăng 23,9 điểm phần trăm. Kết quả nghiên cứu này

phù hợp với giả thuyết H1 mà nhóm đã đề ra và có sự tương đồng với nghiên cứu của El-Dyasty và Elamer (2021). NĐT trong nước là một bộ phận của tập hợp chủ sở hữu, do đó cũng sẽ tồn tại mối quan hệ xung đột lợi ích giữa họ và BGD (theo lý thuyết đại diện). Chính vì vậy, họ sẽ có xu hướng lựa chọn Công ty kiểm toán thuộc Big4 hơn. Biến FI_Owner có mức ý nghĩa 1%, kết quả thu được từ nghiên cứu phù hợp với giả thuyết H2 khi cho rằng tỷ lệ sở hữu nước ngoài càng cao thì càng DN càng có xu hướng lựa chọn công ty kiểm toán thuộc Big4. Đồng thời, kết quả này cũng giống như nghiên cứu trước của Meah và Hossain (2023). Ngoài ra, hệ số tác động biên cho thấy khi FI_Owner tăng 1%, khả năng DN chọn công ty kiểm toán Big4 tăng lên 18,2 điểm phần trăm. Trên thực tế, các NĐT nước ngoài luôn cẩn trọng khi đưa ra quyết định đầu tư vào các DN Việt Nam và luôn nghĩ đến các biện pháp để giảm thiểu rủi ro. Do đó, họ sẽ mong muốn DN sử dụng các dịch vụ kiểm toán có chất lượng cao để đảm bảo tính minh bạch và đáng tin cậy của BCTC. M_Owner có ý nghĩa 5% và hệ số hồi quy âm cho thấy tỷ lệ sở hữu của thành viên BGD càng cao thì sẽ làm giảm khả năng DN lựa chọn công ty kiểm toán Big4. Kết quả này phù hợp giả thuyết H3 và tương đồng với kết quả của Leung và Liu (2015). Nguyên nhân do khi BGD sở hữu cổ phần của DN, họ sẽ có xu hướng hoạt động vì lợi ích chung và các thông tin trên BCTC của DN cũng được trình bày một cách trung thực, khách quan và đáng tin cậy hơn. Vì vậy, DN cũng ít có xu hướng lựa chọn công ty kiểm toán thuộc Big4 hơn. BoardInd có kết quả ý nghĩa phù hợp với giả thuyết H4, cho thấy được tỷ lệ thành viên HĐQT độc lập càng cao thì DN càng có xu hướng lựa chọn công ty kiểm toán Big4, tương đồng với kết quả của Wan Abdullah và cộng sự (2008), Matonti và Tommasetti (2016) và Alfraih (2017). Ngoài ra, hệ số tác động biên cho thấy khi BoardInd tăng 1%, khả năng DN chọn công ty kiểm toán thuộc Big4 giảm 5,2 điểm phần trăm. Theo McCabe và Nowak (2008), những thành viên HĐQT độc lập sẽ giám sát công tác quản lý chặt chẽ và tìm cách giảm thiểu sự bất cân xứng thông tin với các thành viên HĐQT không độc lập, từ đó, họ sẽ có xu hướng chọn công ty kiểm toán Big4 nhằm tăng tính trung thực, khách

quan của BCTC và làm giảm nguy cơ gian lận trong các hoạt động của DN.

5. Kết luận

Nghiên cứu đã đưa ra các bằng chứng thực nghiệm về ảnh hưởng của đặc điểm HĐQT và CTSH đến sự lựa chọn công ty kiểm toán. Các DN có tỷ lệ thành viên HĐQT độc lập, tỷ lệ sở hữu tổ chức ngoài, tỷ lệ sở hữu tổ chức trong nước càng cao thì DN càng có khả năng lựa chọn công ty kiểm

toán thuộc Big4. Tỷ lệ thành viên BGD càng cao thì DN ít có xu hướng lựa chọn công ty kiểm toán hơn Big4 hơn. Tuy nhiên, chúng tôi chưa tìm thấy bằng chứng thực nghiệm về số lượng thành viên HĐQT và việc HĐQT kiêm nhiệm CEO có ảnh hưởng đến khả năng lựa chọn công ty kiểm toán Big4 của DN. Từ kết quả trên, cơ quan quản lý nhà nước, NĐT, công ty kiểm toán có thể đưa ra các biện pháp và chính sách phù hợp ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Alfraih, M. M. (2017). Choosing an external auditor: does the composition of boards of directors matter?. *International Journal of Law and Management*, 59(3), 394-412.
- Anderson, R. C., & Reeb, D. M. (2004). Board composition: Balancing family influence in S&P 500 firms. *Administrative science quarterly*, 49(2), 209-237.
- Carcello, J. V., Hermanson, D. R., Neal, T. L., & Riley Jr, R. A. (2002). Board characteristics and audit fees. *Contemporary accounting research*, 19(3), 365-384.
- Chow, C. W. (1982). The demand for external auditing: Size, debt and ownership influences. *Accounting review*, 272-291.
- Dinga, A. K., Dixon, R., & Stratling, R. (2009). Ownership structure and firm performance in the UK: Evidence from the agency perspective. Working Paper, Durham Business School, University of Durham.
- Di Pietra, R., Grambovas, C. A., Raonic, I., & Riccaboni, A. (2008). The effects of board size and 'busy' directors on the market value of Italian companies. *Journal of management & governance*, 12, 73-91.
- Dye, R. A. (1988). Earnings management in an overlapping generations model. *Journal of Accounting research*, 195-235.
- El-Dyasty, M. M., & Elamer, A. A. (2021). The effect of ownership structure and board characteristics on auditor choice: evidence from Egypt. *International Journal of Disclosure and Governance*, 18(4), 362-377.
- Fama, E. F., & Jensen, M. C. (1983). Separation of ownership and control. *The journal of law and Economics*, 26(2), 301-325.
- Gerged, A. M., Mahamat, B. B., & Elmghamez, I. K. (2020). Did corporate governance compliance have an impact on auditor selection and quality? Evidence from FTSE 350. *International Journal of Disclosure and Governance*, 17, 51-60.
- Guedhami, O., Pittman, J. A., & Saffar, W. (2009). Auditor choice in privatized firms: Empirical evidence on the role of state and foreign owners. *Journal of accounting and Economics*, 48(2-3), 151-171.
- Ianniello, G., Mainardi, M., & Rossi, F. (2013, September). Corporate governance and auditor choice. In *Bicentenary Conference* (pp. 1-23).
- Jensen, M.C., Meckling, W.H. (1976), Theory of the Firm: Managerial Behavior, Agency Costs and Ownership Structure, *Journal of Financial Economics*, Vol. 3, 305-360.
- Kumar, R., & Sharma, V. (2015). *Auditing: Principles and practice*. PHI Learning Pvt. Ltd.
- Leung, N. W., & Liu, J. (2015). Ownership structure and auditor choice: evidence from Chinese listed firms. *Asian Journal of Business Ethics*, 4(2), 163-185.
- Manna, A., Sahu, T. N., & Gupta, A. (2016). Impact of ownership structure and board composition on corporate performance in Indian companies. *Indian Journal of Corporate Governance*, 9(1), 44-66.
- Matonti, G., Tucker, J., & Tommasetti, A. (2016). Auditor choice in Italian non-listed firms. *Managerial Auditing Journal*, 31(4/5), 458-491.

- McCabe, M., & Nowak, M. (2008). The independent director on the board of company directors. *Managerial Auditing Journal*, 23(6), 545-566.
- Meah, M. R., & Hossain, R. (2023). Ownership Structure and Auditor Choice in Emerging Economy: An Empirical Study. *Indonesian Journal of Business, Technology and Sustainability*, 1(1), 12-22.
- Richardson, V. J. (2000). Information asymmetry and earnings management: Some evidence. *Review of quantitative finance and accounting*, 15(4), 325-347.
- Wan Abdullah, W. Z., Ismail, I., & Jamaluddin, N. (2008). The impact of board composition, ownership and CEO duality on audit quality: The Malaysian evidence. *Malaysian Accounting Review*, 7(2), 17-28.
- Waresul Karim, A. K. M., van Zijl, T., & Mollah, S. (2013). Impact of board ownership, CEO#Chair duality and foreign equity participation on auditor quality choice of IPO companies: Evidence from an emerging market. *International Journal of Accounting & Information Management*, 21(2), 148-169.
- Zureigat, Q. M. (2011). The effect of ownership structure on audit quality: Evidence from Jordan. *International Journal of Business and Social Science*, 2(10), 38-46.

Ngày nhận bài: 25/8/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 14/9/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 25/9/2025

THE IMPACT OF BOARD AND OWNERSHIP STRUCTURE ON AUDIT FIRM SELECTION

- NGUYEN THI MAI ANH¹
- PHAM THANH DUNG¹
- LE HUYNH NHU¹
- NGUYEN THI LAN ANH¹
- VO HUYEN AN¹
- HANG UYEN NGAN¹
- NGUYEN TRUNG NGUYEN¹

¹Foreign Trade University - Ho Chi Minh City Campus

ABSTRACT:

This study examines the influence of Board of Directors (BOD) and ownership structure (OWS) characteristics on the selection of Big 4 audit firms by enterprises. Using a sample of 6,354 firm-year observations from 2009 to 2022, the study employs Binary Logistic Regression to analyze the relationship between BOD and OWS variables and the decision to engage a Big 4 auditor. The findings reveal that BOD independence, domestic institutional ownership, and foreign ownership are positively associated with the choice of a Big 4 audit firm. In contrast, the ownership proportion held by BOD members is negatively related to this choice. These results provide valuable insights for managers, policymakers, and auditors, enhancing the understanding of governance and ownership factors that shape firms' audit firm selection decisions.

Keywords: Big 4, audit firm selection, board characteristics, ownership structure.